

Bản án số: 05/2022/HS-PT

Ngày 05 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Phương;
Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 216/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Thị T và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T (tên gọi khác: G), sinh năm 1968 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Nguyễn Văn D (đã chết) và có 04 con; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 02/2009/HS-PT ngày 12-01-2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật

Hình sự năm 1999. Bị cáo chưa nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 đồng phạt bổ sung.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2017/HS-ST ngày 26-5-2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 16 tháng tù cho hưởng án treo và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 11/8/2020 (nộp sau ngày phạm tội).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 07/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Thị Q (tên gọi khác: B), sinh năm 1977 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ M, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ (đã chết) và bà Phan Thị T; có chồng tên Nguyễn Trường L (đã ly hôn) và có 07 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 104/2008/HS-ST ngày 09/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo và phạt bổ sung 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chưa nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000 đồng phạt bổ sung; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 07/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Đ, sinh năm 1974 tại Bình Thuận; Giấy chứng minh nhân dân số: 26080227x, do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 15-10-2010; nơi đăng ký thường trú: Thôn Q, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú (không đăng ký tạm trú): Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C và bà Ngô Thị P; có vợ tên Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2015/HS-ST ngày 23-7-2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 tháng 08 ngày tù về tội “Đánh bạc”; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 01/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Hồng Q, sinh năm 1973 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27119188x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26-8-2019; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoài V (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ tên Dương Thị B và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 94/2007/HS-PT ngày 26-3-2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 01/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1970 tại An Giang; Giấy chứng minh nhân dân số: 35095898x, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 22-6-2016; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú (không đăng ký tạm trú): Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Xe ôm; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P (đã chết) và bà Phạm Thị C (đã chết); có vợ tên Lê Thị N và có 05 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 01/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

6. Trương Thị Bích T, sinh năm 1981 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07518100156x, cấp ngày 05-4-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Khải L và bà Lý Thị Kim T (đã chết); có chồng tên Trương Hoài T và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 07/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Lê Văn D, sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 03808501962x cấp ngày 09-12-2019; nơi đăng ký thường trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú (không đăng ký tạm trú): Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng D và bà Nguyễn Thị D; có vợ tên Khương Thị T và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2020 đến ngày 04/8/2020; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 07 bị cáo khác, không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Năm 2019, Nguyễn Văn Q đứng ra tổ chức đánh bạc, để thu tiền xâu nên có nhiều con bạc biết đến và tin tưởng. Đến tháng 6/2020, Q bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 80.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”. Do sợ tiếp tục bị bắt, nên Q đã rủ đối tượng H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng nhau tổ chức đánh bạc. Q không trực tiếp đến địa điểm đánh bạc mà để cho H lấy danh nghĩa, lôi kéo con bạc đến sòng, để tổ chức sòng bạc. Địa điểm tổ chức sòng bạc do H chọn ở các khu vườn trà, thuộc Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Các địa điểm tổ chức đánh bạc thường xa khu vực người dân sinh sống, địa hình khó khăn và thường xuyên thay đổi địa điểm để tránh sự phát hiện của Công an. H và Q là người thuê mướn các đối tượng khác làm nhiệm vụ canh đường, canh Công an và đưa đón các đối tượng đánh bạc vào sòng. H là người quản lý và thu tiền xâu của các đối tượng tham gia chơi làm cái. Mỗi ngày sau khi tổ chức đánh bạc xong thì H chia cho Q số tiền 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, tùy thuộc vào số tiền thu xâu được nhiều hay ít; Q đã nhận được số tiền xâu từ H đưa là 3.000.000 đồng.

Hình thức đánh bạc là lắc tài xỉu: Có một người cầm cái lắc “tài, xỉu”, trong mỗi ván, người chơi đặt bên “tài” hoặc bên “xỉu”, số tiền đặt thấp nhất là 100.000 đồng và cao nhất là 5.000.000 đồng. Nếu người nào đặt bên “xỉu” mà tổng số điểm của 03 hạt xúc xắc từ 10 trở xuống là thắng và người nào đặt bên “tài” thì tổng số điểm của 03 hạt xúc xắc từ 11 điểm trở lên là thắng. Trong trường hợp số điểm của 3 hạt xúc xắc giống nhau thì gọi là “bão”, nếu bão “xỉu” thì những người đánh “xỉu” hòa tiền, những người đánh “tài” thua, còn nếu “bão tài” thì ngược lại.

Vào lúc 15 giờ 10 phút ngày 29/7/2020, tại khu vườn trà, thuộc Ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện L bắt quả tang Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Tấn T, Phạm Thanh T, Lê Văn D, Trần Đ, Đỗ Thị Q, Trương Thị Bích T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Minh Đ, Trần Hồng Q và Nguyễn Thị G, đang đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu. Q và H tổ chức đánh bạc, đối tượng P (không rõ nhân thân, lai lịch) làm cái, lắc tài xỉu ăn tiền với các con bạc. Các đối tượng tham gia đánh bạc như sau:

- Nguyễn Văn Q mang theo số tiền 5.000.000 đồng dùng để tham gia đánh bạc và thua hết số tiền này;

- Nguyễn Thị Thu H mang theo 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, H thua 500.000 đồng;
- Nguyễn Thanh Th mang theo 6.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Th thua 3.500.000 đồng;
- Nguyễn Tấn T mang theo 9.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, T không thắng, không thua;
- Phạm Thanh T mang theo 800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Thủy thua 300.000 đồng; quá trình bỏ chạy T đã ném số tiền 450.000 đồng, còn lại 50.000 đồng;
- Lê Văn D mang theo 360.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bạc, D thua 300.000 đồng;
- Trần Đ mang theo 950.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Đ thắng 150.000 đồng;
- Đỗ Thị Q mang theo 1.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Q thua 300.000 đồng;
- Trương Thị Bích T mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, T thua 300.000 đồng;
- Nguyễn Thị T mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, T thua 200.000 đồng;
- Nguyễn Thị H mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, H thua 200.000 đồng; quá trình bỏ chạy, H làm mất số tiền 300.000 đồng;
- Nguyễn Minh Đ mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Đ thua 500.000 đồng;
- Trần Hồng Q mang theo 1.150.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Q thua 600.000 đồng;
- Nguyễn Thị G mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, G thua 500.000 đồng.
- Ngoài ra, còn có một người phụ nữ tên Trần Thị P (không rõ nhân thân, lai lịch) tham gia đánh bạc với vai trò người làm cái và H là người cùng tổ chức đánh bạc với Q, khi lực lượng Công an vào bắt quả tang thì H và P, đã bỏ chạy thoát.
- Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 15.000.000 đồng.

2. Vật chứng:

- Số tiền 15.000.000 đồng;
- 01 bộ dụng cụ lắc tài xỉu (01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa được quán bằng keo màu đen, 03 hột xúc xắc) và 01 tấm bạt;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu cam và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu đen.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm a, d, đ khoản 1 Điều 322 và phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”, theo điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Tấn T, Đỗ Thị Q, Nguyễn Thị H, Trần Đ, Trần Hồng Q, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T, Lê Văn D, Nguyễn Thị G, Phạm Thanh T, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Minh Đ phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt là 03 năm tù và bắt tạm giam tại phiên tòa.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 10 (mười) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Q 09 (chín) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Đ 08 (tám) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Hồng Q 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Th 05 (năm) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích T 04 (bốn) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D 03 (ba) tháng tù.

- Các bị cáo Nguyễn Thị G, Phạm Thanh T, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Minh Đ, mỗi bị cáo đều bị xử phạt 04 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/4/2021).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo và rút kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn T, Đỗ Thị Q, Trần Đ, Trần Hồng Q, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Tấn T rút kháng cáo; Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Thông báo về việc rút kháng cáo số: 234/2021/TB-TA ngày 10-12-2021 và Thông báo về việc rút kháng cáo số: 240/2021/TB-TA ngày 15-12-2021.

5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Hủy và đình chỉ bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đỗ Thị Q;
- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Hồng Q, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm;
- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Đ, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Trước khi mở phiên tòa, theo Giấy chứng tử số: 39 ngày 18-9-2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực L và Biên bản xác minh ngày 22-12-2021, xác định được bị cáo Đỗ Thị Q đã chết vào ngày 18-9-2021. Căn cứ khoản 7 Điều 157 và khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo Đỗ Thị Q.

- Bị cáo Nguyễn Thị T và Trương Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa. Bị

cáo Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do. Bị cáo Trương Thị Bích T có cung cấp kết quả xét nghiệm dương tính với Covid-19. Văn bản tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo có kháng cáo về tội danh và điều luật như đã nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm:

+ Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Đối với tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), được áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D.

+ Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị T có hoàn cảnh khó khăn (được xác nhận của chính quyền địa phương); bị cáo Trần Hồng Q có cha được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ được Chính phủ tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đầy; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tại cấp phúc thẩm:

+ Bị cáo Trần Đ cung cấp tài liệu, thể hiện bị cáo bị tai nạn ngày 15-5-2021 bị thương ở chân, đã được phẫu thuật và xuất viện ngày 18-5-2021 (Tình trạng lúc ra viện: Ổn định), gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình. Tại phiên tòa, bị cáo cung cấp tài liệu, thể hiện vẫn đang tiếp tục điều trị thương tích ở chân. Áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Bị cáo Trần Hồng Q cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, là lao động chính và duy nhất trong gia đình, phải nuôi dưỡng người thân phụ thuộc. Bị cáo Nguyễn Thanh Th

cung cấp tài liệu, thể hiện đang nuôi dưỡng mẹ bị đực thủy tinh thể. Bị cáo Trương Thị Bích T cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện bị cáo làm nghề xe ôm, hoàn cảnh rất khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, phải nuôi dưỡng người thân phụ thuộc. Áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Bị cáo Lê Văn D cung cấp tài liệu, thể hiện cha bị cáo có tham gia cách mạng, bị thương tật 31% khi chiến đấu và được trợ cấp một lần; thuộc tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

- Bị cáo Đỗ Thị Q đã chết như đã nêu trên; do đó, không xem xét kháng cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị T có 02 tiền án đều về tội “Đánh bạc”, lần phạm tội này, bị cáo bị xét xử theo tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Trần Đ có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử và bị xử phạt tù về tội “Đánh bạc” vào năm 2015. Các bị cáo này có lý lịch đã từng phạm cùng loại tội như trên nhưng vẫn tiếp tục đánh bạc, thể hiện việc xem thường pháp luật. Mặc dù, bị cáo Trần Đ có tình tiết mới nêu trên; tuy nhiên, theo Báo cáo số: 15/BC-TA ngày 15-3-2019 của Tòa án nhân dân tối cao (đoạn 7 phần (3) điểm a tiểu mục 1 Mục II) và Báo cáo tổng hợp ngày 06-01-2020 của Tòa án nhân dân tối cao (đoạn 2 điểm c Mục 1), không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Trần Đ.

- Bị cáo Trần Hồng Q có nhân thân về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng bị xử phạt đã lâu (2007). Các bị cáo Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D đều có nhân thân tốt. Cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hồng Q, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D; xử phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Các bị cáo Trần Hồng Q, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê

Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đối với bị cáo Đỗ Thị Q:

Căn cứ khoản 7 Điều 157 và khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện L (trách nhiệm hình sự và án phí hình sự sơ thẩm) và đình chỉ một phần vụ án về hình sự, đối với bị cáo Đỗ Thị Q.

2. Về kháng cáo:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Đ.
- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hồng Q, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D.
- Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2021/HS-ST ngày 29-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Tội danh và hình phạt:

3.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn Thị T vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 29-7-2020 đến ngày 07-8-2020.

3.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Đ 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Trần Đ vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 29-7-2020 đến ngày 01-8-2020.

3.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Hồng Q phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước.

3.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt tiền các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Th phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Trương Thị Bích T phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Thị T và Trần Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Trần Hồng Q, Nguyễn Thanh Th, Trương Thị Bích T và Lê Văn D, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng Hồ sơ - Công an các tỉnh Đồng Nai, An Giang, Thanh Hóa và Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành

